

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày 15/3/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Xuân Thịnh

2. Bà Nguyễn Thị Thuỷ Khơi

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 15/3/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 10/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **08**/2023/QĐST-DS ngày 28/01/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn là Lê Thị T trình bày:***

Bà và anh Đ có mối quan hệ quen biết. Anh Đ đã hỏi bà cho vay tiền, do tin tưởng anh Đ là công an nên bà đã đồng ý. Bà cho anh Đ vay hai lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 24/9/2019, bà có cho anh Đ vay số tiền là 30.000.000 đồng. Anh Đ nói là vay có việc riêng nhưng không nói cụ thể là việc gì. Khi vay có lập biên bản, thoả thuận về thời hạn trả là 01 tháng nhưng không thoả thuận lãi suất. Khi vay tiền của bà anh Đ có để lại cho bà 01 giấy chứng minh công an nhân dân để

làm tin. Hết thời hạn 01 tháng thì anh Đ không trả cho bà và anh Đ có xin bà cho anh Đ khất nợ thêm 1 thời gian nữa.

Lần thứ hai: Ngày 12/11/2019, bà có cho anh Đ vay số tiền là 40.000.000 đồng. Anh Đ nói là vay có việc riêng nhưng không nói cụ thể là việc gì và anh Đ nói là vay thêm 40.000.000 đồng này để giải quyết nốt việc riêng, xong việc anh Đ sẽ trả bà cả 70.000.000 đồng. Khi vay có lập biên bản, thoả thuận về thời hạn trả là 02 tháng nhưng không thoả thuận lãi suất. Hết thời hạn 02 tháng thì anh Đ không trả cho bà tiền nợ gốc nhưng thì thoả anh Đ có trả tiền lãi cho bà. Bà không nhớ anh Đ đã trả cho bà được bao nhiêu lần nhưng số tiền anh Đ trả cho bà được khoảng 10.000.000 đồng, những lần anh Đ trả lãi bà không ghi lại nên không có tài liệu để cung cấp cho Toà án.

Toàn bộ số tiền 70.000.000 đồng là tiền riêng của bà, bà không có chồng. Khi bà cho anh Đ vay là cho một mình anh Đ vay để giải quyết việc riêng chứ bà không cho hai vợ chồng anh Đ vay, bà không biết vợ anh Đức là ai.

Nay bà đề nghị Toà án giải quyết buộc một mình anh Đ phải trả cho bà tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

*** Về lãi suất:** Bà tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải trả lãi suất cho bà.

Ngoài ra, bà Tảo không có yêu cầu nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Đ, nhưng anh Đ không có ý kiến gì và không đến Tòa án để làm việc.

*** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng đã thu thập được những tài liệu, chứng cứ sau:**

- *Tại bản tự khai, bà Đỗ Thị H trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn Đ, việc anh Nguyễn Văn Đ vay tiền của bà Lê Thị T bao nhiêu và vay khi nào thì bà không nắm được. Chỉ khi bà T đến gia đình bà để đòi tiền anh Đ và cho và xem giấy biên nhận vay tiền thì bà mới biết anh Đ vay của bà T 70.000.000 đồng. Mục đích anh Đ vay tiền của bà T là của cá nhân anh Đ chứ không liên quan gì đến bà. Hiện nay vợ chồng anh Đ đang sinh sống trên thành phố Bắc Giang, còn địa chỉ cụ thể bà không nhớ. Thỉnh thoảng cuối tuần thì vợ chồng con cái anh Đ lại về gia đình bà ở một hai hôm lại đi.

Nay bà Tảo đề nghị anh Nguyễn Văn Đ phải trả tiền cho bà T thì bà có quan điểm đây là việc cá nhân của anh Đ không liên quan đến bà. Bà có bảo anh Đ thu xếp công việc để đến trụ sở Toà án để giải quyết việc bà T kiện đòi tiền. Tuy nhiên, anh Đ có trả lời là hiện nay công việc của anh rất khó xin nghỉ, công việc của anh Đ

thường xuyên phải di chuyển trên các tỉnh khác nhau nên khó khăn trong việc sắp xếp thời gian về Tòa án để làm việc.

Đối với việc anh Đ có vay tiền của bà Tảo số tiền 70.000.000 đồng thì anh Đ có nói là anh Đ vay để sử dụng vào việc cá nhân, không liên quan đến vợ con. Anh Đ sẽ thu xếp để trả dần cho bà T dần vì hiện nay kinh tế của anh còn gặp nhiều khó khăn.

Ngoài ra, bà H không trình bày thêm gì.

- *Tại biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Trưởng thôn Đ, xã Đ trình bày:* Anh Nguyễn Văn Đ là công dân của thôn Đ, xã Đ. Vợ chồng anh Đ sinh sống trên Bắc Giang vì đều làm việc trên Bắc Giang nhưng cuối tuần vẫn về quê cùng mẹ là bà Đỗ Thị H vì anh Đ vẫn sống chung cùng bà H. Hộ khẩu của anh Đ hiện nay vẫn ở thôn Đ, xã Đ. Thi thoảng vợ chồng cháu Đ có về quê cùng mẹ là bà Đỗ Thị H, cứ cuối tuần là vợ chồng anh Đ về quê, ông thi thoảng có gặp anh Đ vì nhà ông ở gần nhà anh Đ.

Đối với vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Lê Thị T và anh Nguyễn Văn Đ thì ông không nắm được. Nhưng gần đây thấy có nhiều người đến nhà anh Đ để đòi tiền, ông cũng không biết lý do gì hay làm ăn kinh tế có gặp khó khăn gì thì ông cũng không nắm được. Hiện nay anh Đ làm gì và ở đâu thì ông không nắm được. Thỉnh thoảng anh Đ có về địa phương nhưng cũng không qua lại với ai.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và hai bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên đề nghị HĐXX xét xử vụ án theo thủ tục chung.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 385, 463, khoản 1, 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; đề:

Buộc anh Nguyễn Văn Đức phải trả bà Lê Thị Tảo số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để: Buộc anh Nguyễn Văn Đức phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau nghe khi ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn là bà Lê Thị T đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện bà Lê Thị T cho anh Nguyễn Văn Đ vay hai lần tiền. Lần 1, ngày 24/9/2019, bà Lê Thị T có cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận ngày 24/10/2019 anh Đ sẽ trả bà T và không thỏa thuận lãi suất. Lần 2, ngày 12/11/2019, bà Lê Thị T có cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận ngày 12/01/2020 anh Đ sẽ trả bà T và không thỏa thuận lãi suất.

Vì vậy, tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

[4] *Về nội dung vụ án:*

[4.1] Ngày ngày 24/9/2019, bà Lê Thị T có cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận ngày 24/10/2019 anh Đ sẽ trả bà T số tiền 30.000.000 đồng và không thỏa thuận lãi suất.

Ngày ngày 12/11/2019, bà Lê Thị T có cho anh Nguyễn Văn Đ vay số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng, khi vay có lập biên bản, hai bên thỏa thuận ngày 12/01/2020 anh Đ sẽ trả bà T số tiền 40.000.000 đồng và không thỏa thuận lãi suất.

Nay, bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình anh Đ phải có trách nhiệm trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Số tiền này là của một mình bà T anh cho một mình anh Đ vay, không liên quan đến vợ anh Đ.

* *Về lãi suất:* Bà T tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải trả lãi suất cho bà.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T:

- Anh Nguyễn Văn Đ có vay tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng của bà Lê Thị T theo Giấy biên nhận vay tiền ngày 24/9/2019 được các bên ký kết có thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 24/10/2019 và theo Giấy biên nhận vay tiền ngày

12/11/2019 được các bên ký kết có thỏa thuận thời hạn thanh toán vào ngày 12/01/2020 nhưng không thỏa thuận về lãi suất. Theo như thỏa thuận, bà T có đòi nhiều lần nhưng anh Đ không trả cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

Nay, bà T tự nguyện chỉ yêu cầu anh Đ phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng. Bà T xác định số tiền này là của riêng bà T, không liên quan đến vợ anh Đ.

- Anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh Đ được.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị T đối với anh Nguyễn Văn Đ. Buộc anh Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T tổng số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[5] *Về lãi suất*: Bà Lê Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Nguyễn Văn Đ phải trả lãi suất cho bà T, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của bà Lê Thị T được chấp nhận, nên anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 3.500.000 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Lê Thị T.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T, buộc anh Nguyễn Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng.

2. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 3.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng theo biên lai thu số: 0009813 ngày 27/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. *Hướng dẫn thi hành án*: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND huyện Yên Dũng;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Oanh